TAND TP. PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 62/2019 /DSST
Ngày: 12/12/2019.
Về việc: "Tranh chấp HĐ vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Chủ tọa phiên tòa: **Bà Vũ Thị Thanh Hòa- Thẩm phán.**
Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Ông Đỗ Văn Hòa**
2. **Bà Lê Thị Kiều Thu**

Đại diện Việt kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Thái– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 12 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 263/2019/TLST-DS ngày 01/10/2019 *"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 393/2019/QĐXXST–DS ngày 14/11/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 404/2019/QĐST-DS ngày 03/12/2019, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: 1/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978.
2/ Ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1971.
Cùng địa chỉ: Khu phố 02, phường X, Tp. P, tỉnh Bình Thuận.
Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Tuấn H, sinh năm 1971. Trú tại: 455B Thủa Khoa H, P, Bình Thuận (có mặt)

- Bị đơn: 1/ Ông Nguyễn Hoài T (vắng mặt)
2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc L (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: thôn X, xã P, Tp. P, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Tuấn H trình bày:**

Trong năm 2018, vợ chồng ông Nguyễn Thanh M và bà Nguyễn Thị T có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Hoài T có vay nhiều lần nhưng không trả lãi. Đến ngày 30/4/2019, thì bà Nguyễn Thị Ngọc L chốt nợ gốc và lãi với tổng số tiền 402.100.000 đồng và 300 USD. Nhưng từ khi chốt nợ đến nay vẫn không trả cho vợ chồng ông M, bà T. Nay tôi yêu cầu vợ chồng bà L, ông T phải trả cho vợ chồng ông M, bà T số tiền 402.100.000 đồng và 300 USD.

*** <u>Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L, trình bày:</u>**

Tôi thừa nhận trong năm 2018, tôi có vay của bà T các khoản như sau:

Ngày 02/02/2018 vay số tiền 10.000.000 đồng.
Ngày 30/01/2018 vay số tiền 20.000.000 đồng.
Ngày 17/5/2018 vay số tiền 5.000.000 đồng.
Ngày 23/7/2018 vay số tiền 10.000.000 đồng.
Ngày 24/5/2018 vay số tiền 10.000.000 đồng.
Ngày 04/10/2018 vay số tiền 10.000.000 đồng.
Ngày 06/10/2018 vay số tiền 10.000.000 đồng.
Ngày 26/10/2018 vay số tiền 30.000.000 đồng.
Ngày 30/9/2018 vay số tiền 30.000.000 đồng.
Ngày 07/10/2018 vay số tiền 5.000.000 đồng.
Ngày 12/10/2018 vay số tiền 10.000.000 đồng.
Ngày 23/01/2018 vay số tiền 7.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số vay là 157.000.000 đồng (trong đó có 35.000.000 đồng tôi vay dùm cho bà Trang D, bà T cũng có biết) và 300 USD.

Từ ngày vay số tiền trên thì tôi không có khả năng trả lãi cho vợ chồng bà Trong; đến ngày 30/4/2019, tôi và bà T chốt lại số nợ gốc và lãi với tổng số tiền 402.100.000 đồng (trong đó tiền gốc là 157.000.000 đồng và số còn lại là tiền lãi) và 300 USD.

Cách tính lãi của bà T cụ thể như sau: Ví dụ: khoản vay ngày 02/02/2018 số tiền 10.000.000 đồng, thì tính lãi suất 80.000 đồng/ngày x 30 ngày =2.400.000 đồng, từ ngày 02/02/2018 đến 30/4/2019 là 30.000.000 đồng tiền gốc.

Hiện tại, tôi chưa có chứng cứ chứng minh cho vấn đề trên nhưng do tôi đã chốt nợ với bà T vào ngày 30/4/2019 với tổng số tiền 402.100.000 đồng và 300 USD thì tôi cũng chấp nhận trả cho bà T nhưng tôi xin trả dần, mỗi tháng trả tối thiểu 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Mục đích tôi vay số tiền trên về để trả tiền ngân hàng và có mượn dùm cho người khác. Việc vay mượn này chồng tôi không biết nên không đến Tòa án.

Vụ việc đã được Tòa án hòa giải nhưng không thành.

Sau khi những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của nguyên đơn; kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội

đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Bị đơn chấp hành chưa tốt các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc vợ chồng bị đơn là bà ông T và bà L phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng nguyên đơn ông M và bà T số tiền 402.100.000 đồng.

Vì một phần giao dịch ngày 30/4/2019 giữa nguyên đơn và bị đơn bị vô hiệu, buộc bị đơn ông T và bà L phải hoàn trả cho nguyên đơn bà T và ông M số tiền 300 USD được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam theo tỉ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về trình tự thủ tục tố tụng:*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Hoài T, hiện nay đang cư trú tại thôn X, xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thanh M về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Hoài T đã được Tòa án nhân dân Tp. Phan Thiết triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến phiên tòa nhưng bà Luân, ông Thanh vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] ***Về nội dung vụ án:***

Năm 2018, vợ chồng bà Nguyễn Thị T có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc L vay nhiều lần nhưng không trả cả gốc và lãi. Đến ngày 30/4/2019 bà Nguyễn Thị Ngọc L chốt lại nợ gốc và lãi với tổng số tiền 402.100.000 đồng và 300 đô la Mỹ; từ khi chốt công nợ đến nay vẫn chưa trả cho vợ chồng bà T. Nay yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Hoài T phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T và Nguyễn Thanh M số tiền 402.100.000 đồng và 300 đô la Mỹ.

Bà Nguyễn Thị Ngọc L thừa nhận có vay tiền nhiều lần của bà Nguyễn Thị T tổng số tiền gốc là 157.000.000 đồng với lãi suất là 80.000 đồng/ngày, nếu bà vay 10.000.000 đồng thì lãi suất sau 30 ngày là 2.400.000 đồng và 300 đô la Mỹ. Nhưng do không trả được gốc và lãi nên đến ngày 30/4/2019 chốt nợ gốc và lãi là

402.100.000 đồng và 300 đô la Mỹ. Bà đồng ý trả số tiền này nhưng xin trả dần mỗi tháng tối thiểu là 500.000 đồng cho đến khi trả xong nợ.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Hoài T không có mặt chứng tỏ bà L, ông T đã khước từ quyền tham gia tố tụng của mình, nên việc xét xử vắng mặt bà L, ông T là phù hợp, đảm bảo quyền chính đáng, hợp pháp của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử, xét thấy căn cứ vào giấy mượn tiền đề ngày 03/4/2019 với nội dung *"Tôi Nguyễn Thị Ngọc L sau khi đã tính toán hết từ năm 2018 mượn cho tất cả các người kêu mượn dùm và tôi. Tôi và chị T đã tính hết tổng gốc và lãi hết là 402.100.000 đồng và 300 đô tới ngày 30/4/2019. Tôi cam đoan trên là đúng sự thật"*. Bà Nguyễn Thị Ngọc L cho rằng thực tế có vay của bà T số tiền gốc là 157.000.000 đồng và 300 USD. Từ ngày vay số tiền trên bà không có khả năng trả lãi cho vợ chồng bà T và ông M nên đến ngày 30/4/2019, bà đã chốt số nợ gốc và lãi tổng cộng 402.000.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 157.000.000 đồng còn lại là số tiền lãi và 300 USD. Bà xác định cách tính lãi của bà T là 80.000 đồng/ngày, nếu bà vay 10.000.000 đồng thì lãi suất sau 30 ngày là 2.400.000 đồng nên số tiền lãi bà phải trả cho bà L rất cao. Tuy nhiên bà L cũng thừa nhận là không có chứng cứ để chứng minh cho lời bà nói và đã chốt nợ với bà T vào ngày 30/4/2019. Bà L cũng đồng ý trả nợ cho bà T nhưng bà xin được trả dần 500.000/tháng vì gia cảnh khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đủ căn cứ xác định việc vay mượn giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật.

Về nội dung giấy mượn nợ:

+ Đối với khoản tiền 402.100.000 đồng, bị đơn thừa nhận đã nợ số tiền trên nên căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bà L phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 402.100.000 đồng.

+ Đối với khoản tiền 300 USD là giao dịch bằng ngoại tệ: Do đó, các giao dịch giữa các cá nhân về việc vay ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam là trái với quy định tại Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối 2005, sửa đổi bổ sung năm 2013 vì các đương sự không thuộc đối tượng được phép sử dụng ngoại tệ trong giao dịch dân sự. Vì vậy, giao dịch mượn nợ ngày 30/4/2019 giữa nguyên đơn và bị đơn bị vô hiệu một phần do vi phạm điều cấm của pháp luật được quy định tại Điều 117 và Điều 123 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu theo qui định tại Điều 137 của Bộ luật dân sự năm 2015: Cần buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 300 USD được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam theo tỉ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thi hành án. Về lỗi làm cho giao dịch dân sự bị vô hiệu một phần: nguyên đơn là người cho bị đơn mượn số tiền 300

USD mặc dù các đương sự không biết qui định giữa các cá nhân về việc vay mượn ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam là trái quy định pháp luật; Tuy nhiện, nguyên đơn là người có tiền ngoại tệ cho vay vì vậy buộc nguyên đơn phải biết các qui định về việc vay ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, cần xác định lỗi hoàn toàn thuộc về nguyên đơn. Vì vậy, đối với khoản tiền 300 đô la Mỹ, mặc dù chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả nợ nhưng giao dịch bị vô hiệu 1 phần là lỗi của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch trên số tiền 300 đô la Mỹ bị vô hiệu.

Về nghĩa vụ trả nợ:

Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Hoài T có phải có trách nhiệm liên đới trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy, trong giấy mượn nợ mặc dù chỉ có một mình bà L là người viết, ký xác nhận và quá trình giải quyết vụ án, ông T vắng mặt tất cả các buổi Tòa triệu tập mặc dù đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, tuy nhiên bà L khai mục đích bà mượn số tiền trên là để trả nợ cho ngân hàng. Như vậy có thể thấy việc vay mượn nợ của bà Luân mục đích là để trả nợ cho ngân hàng nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho gia đình. Vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình thì ông Nguyễn Hoài T phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà Luân trả nợ số tiền 402.100.000 đồng và 300 đô la Mỹ.

[3] ***Về án phí***: Phần giao dịch dân sự bị Hội đồng xét xử tuyên vô hiệu, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thanh M phải chịu như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch.

Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Hoài T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

***1/ Áp dụng*:** Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39, Điều 147; Điều 227 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 117, Điều 123, Điều 137, Điều 463, Điều 466 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối 2005, sửa đổi bổ sung năm 2013;

Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Hoài T phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh M và bà Nguyễn Thị T số tiền 402.100.000 *(Bốn trăm lẻ hai triệu một trăm ngàn)* đồng.

Tuyên bố một phần giao dịch ngày 30/4/2019 giữa nguyên đơn và bị đơn bị vô hiệu, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Hoài T phải hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Thanh M và bà Nguyễn Thị T số tiền 300 USD được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam theo tỉ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thi hành án.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất của các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Án phí: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thanh M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đó theo biên lai thu tiền số 0028091 ngày 30/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. Phan Thiết; hoàn lại cho bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thanh M số tiền tạm ứng án phí còn lại là 9.862.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Hoài T phải nộp 10.042.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bán án.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- *Tòa án tỉnh*;
- *VKS Tp. Phan Thiết;*
-*Chi cục THADS Tp. Phan Thiết;*
- *Đương sự;*
- *Lưu*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hòa